TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:14/2017/DS-PT Ngày 28 tháng 12 năm 2017 V/v: Kiện đòi tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Trung Thành

Các Thẩm phán: Ông Lò Văn Điệt

Ông Đinh Huy Hiệp

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Ông Phạm Văn Thinh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28/12/2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn la, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2017/TLDS -PT ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc kiện đòi tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện TC bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2017/QĐ - PT ngày 23 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Phạm Thị L, địa chỉ: bản Nà H, xã Chiềng P, huyện TC, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Ngọc T, địa chỉ: tiểu khu X, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Phạm Thị L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong các đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Trước đây em trai bà L là Phạm Văn T1 có nợ ông Nguyễn Ngọc T số tiền là 720.000.000 đồng và không có khả năng thanh toán nên ông T đã bắt nợ của anh T1 01 thửa đất và tài sản trên đất. Thửa đất đó là thửa đất bà L bán cho anh T1 và chưa làm thủ tục chuyển nhượng nên bà L vẫn đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Sau khi biết sự việc bà L đã mời ông T đến nhà bà L đàm phán, thỏa thuận về việc mua lại đất mà ông T đã bắt nợ của anh T1 với giá 400.000.000.đ (bốn trăm triệu đồng). Đất bà L vẫn đứng tên nên đã viết giấy chuộc đất. Do bà L không có tiền trả một lần nên đã thỏa thuận với ông T trả thành nhiều lần cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 20/12/2011 bà L giao 25.000.000 đồng tại nhà bà L, gồm: bà L, anh T, bà S.

Lần thứ hai: Ngày 14/3/2012 bà L giao 50.000.000 tại nhà bà L, gồm: bà L, anh T, bà S.

Lần thứ ba: Ngày 27/5/2012 bà L giao 24.000.000 đồng tại nhà bà L và chuyển cho em trai bà L là anh T1 5.000.000 đồng; giữa hai bên không lập thành biên bản do ông T không quay lại, bà L tự ghi vào sổ.

Như vậy, tổng số tiền bà L giao cho ông T là 104.000.000 đồng.

Bà L yêu cầu ông T phải trả tiền đã nhận của bà L là 104.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Thời gian tính lãi từ ngày nhận tiền đến ngày tòa án xét xử. Phương thức thanh toán trả 01 lần.

Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

Tính đến ngày 28/6/2010 anh Phạm Văn T1 nợ anh T tổng số tiền là 752.875.000 đồng. Do anh T1 không có điều kiện chi trả nên anh T1 đã giao lại nhà cho anh T. Anh T đã bán nhà được số tiền là 430.000.000 đồng và số tiền chị L trả nợ thay cho anh T1 số tiền là 104.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền anh T1 trả cho anh T là 534.000.000 đồng. Số tiền còn lại anh T không yêu cầu anh T1 trả nợ nên đã làm giấy xóa nợ. Hiện nay, anh T không giữ giấy xóa nợ

nên tôi yêu cầu Tòa án ra Quyết định yêu cầu anh Phạm Văn T1 phải cung cấp giấy xóa nợ cho Tòa án.

Đối với giấy nhận tiền bà L cung cấp cho Tòa án làm căn cứ khởi kiện mà ông T đã viết, ông T chỉ thừa nhận phần chữ viết của ông T không thừa phần bà L viết thêm. Ông T chỉ thừa nhận giao dịch giữa ông và bà L là giao dịch bà L trả nợ thay cho ông T1 và đã nhận của bà L số tiền là 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng)

Tại bản án số: 06/2017/DS - ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện TC đã xét xử và quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 398; khoản 2 Điều 416 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L, buộc ông T phải trả cho bà Phạm Thị L số tiền đã nhận là 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng). Phương thức thanh toán 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bác yêu cầu của bà Phạm Thị L đòi số tiền đã nhận là 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu) và tiền lãi là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/10/2017 nguyên đơn bà Phạm Thị L có đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ý kiến tranh luận của nguyên đơn: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, trong suốt quá trình khiếu nại ở Chi cục thuế huyện TC và Cục thuế tỉnh Sơn La, công an huyện TC ông T đều thừa nhận đã nhận 104.000.000đ.

Ý kiến tranh luận của bị đơn: Không được nhận số tiền 29.000.000đ vì chưa được kí xác nhận đối với bà L, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu về quá trình thực hiện tố tụng của Tòa án đúng quy định của pháp luật và đề nghị: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 492 Bộ luật dân sự 2015, khoản 1 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp Kiện đòi tài sản để giải quyết là đúng. Nếu xác định tranh chấp hợp đồng vay tài sản thì thời hiệu khởi kiện đã hết.

Anh Phạm Văn T1 được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án do là người thứ ba được thụ hưởng từ hợp đồng giữa ông T, bà L nhưng do anh T1 đã có văn bản từ chối quyền thụ hưởng của mình, từ bỏ tư cách tham gia tố tụng được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị L thấy rằng, tại quyết định số 1254/QĐ – CT ngày 29/12/2014 của Cục thuế tỉnh Sơn La; bản kết luận điều tra số 15/KLĐT ngày 21/12/2015 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện TC; biên bản hòa giải lần một ngày 4/8/2017, biên bản hòa giải lần hai ngày 7/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện TC ông T đều thừa nhận có được nhận của bà L số tiền 104.000.000đ (một trăm linh tư triệu đồng). Đến ngày 25/9/2017 ông T mới có bản tự khai bổ sung không thừa nhận đã được nhận số tiền 29.000.000đ (hai mươi chín triệu đồng) của bà L do không được xác nhận vào giấy tờ của bà L là không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết ông T đã được nhận của bà L số tiền 104.000.000đ (một trăm linh bốn triệu đồng) là sự thật.

[3] Do anh Phạm Văn T1 từ chối quyền thụ hưởng của mình nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị L buộc ông Nguyễn Ngọc T trả cho bà L số tiền 104.000.000đ (một trăm linh tư triệu đồng). Đối với yêu cầu tính lãi số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) của bà L là không có căn cứ chấp nhận do đã hết thời hiện khởi kiện.

Từ sự phân tích trên, chấp nhận một phần nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị L. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TC, phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Phạm Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do bản sơ thẩm bị sửa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị L. Sửa bản án sơ thẩm số: 06/2017/DSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 398; khoản 2 Điều 416, Điều 492 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 184, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử buộc ông Nguyễn Ngọc T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị L số tiền là 104.000.000 đồng (một trăm linh tư triệu đồng).

"Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định."

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.200.000đ (năm triệu hai trăm nghìn đồng).

Bà Phạm Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.0000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 2.600.000đ đã nộp theo biên lai thu số 03434 ngày 17/7/2017, số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 04874 ngày 17/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TC. Bà Phạm Thị L còn phải nộp tiếp số tiền 9.600.000đ (chín triệu sáu trăm nghìn đồng)

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 28/12/2017).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Trung Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG** **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG** **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

Tòng Thị Hiền **Ngô Xuân Nghị** **Tòng Thị Hiền** **Ngô Xuân Nghị** **Tòng Thị Hiền** **Ngô Xuân Nghị** **Tòng Thị Hiền** **Ngô Xuân Nghị**

Thẩm phán	**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**	**Thẩm phán**
	Hoàng Trung Thành	